

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2023

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đức Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nhi.

2. Bà Đinh Thị Tin.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thăng Long-Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh H tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hồng Tiệp-Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 281/2023/TLST-HNGĐ ngày 14/8/2023 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39B/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị N1, sinh năm 1971,

Bị đơn: Ông Trương Văn T1, sinh năm 1969.

Đều có địa chỉ: Khu 5, phường P1, thị xã K, tỉnh H.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn-bà Lê Thị N1 trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà kết hôn với ông Trương Văn T1, sinh năm 1969 vào ngày 20/02/2017 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn - nay là phường P1, thị xã K. Sau khi kết hôn, bà về gia đình ông T1 chung sống. Quá trình chung sống tại đây được thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng trong cuộc sống. Do ông T1 tính tình cục cằn nên mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn thì ông T1 lại có hành vi đánh đập, chửi bới bà thậm tệ. Do không thể chịu đựng được và sợ bị ông T1 tiếp tục đánh đập nên bà phải bỏ ra nhà trọ sống ly thân với ông T1. Sau khi bà

ra nhà trọ sống ly thân với ông T1, ông T1 nhiều lần gọi điện dọa đánh bà. Sự việc càng trở nên trầm trọng khi bà nói cho ông T1 biết là bà nộp đơn ra Tòa án để giải quyết ly hôn. Ông T1 liên tục gọi điện đe dọa khiến bà rất sợ hãi vì bà đã bị ông T1 đánh đập nhiều lần. Bà thường xuyên phải thay đổi nhà trọ, sợ không dám ra đường vì sợ ông T1 tìm thấy lại đánh bà. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, không còn khả năng về đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trương Văn T1.

2. Quan hệ về con chung và tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Trương Văn T1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Quá trình xác minh, chính quyền địa phương phường P1, thị xã K cung cấp: Ông Trương Văn T1 trước đây có vợ là bà Phùng Thị L1 và 02 con. Sau khi quen bà N1, ông T1 làm thủ tục ly hôn bà L1. Ông T1 và bà N1 có đăng ký kết hôn tại UBND phường P1 vào ngày 20/02/2017, không tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau ngày cưới, ông T1, bà N1 sống tại bãi Thoi thuộc Khu 6, phường P1, thị xã K, tỉnh H rất ít giao lưu với hàng xóm. Bà N1 có lối sống không lành mạnh, bản thân bà N1 mới chấp hành xong hình phạt tù về tội "Chứa mại dâm". Do ông T1, bà N1 sống khép kín, không giao lưu với mọi người nên địa phương không nắm bắt được nguyên nhân mâu thuẫn. Vừa qua, địa phương và khu dân cư có kết hợp cùng Tòa án xuống gia đình ông T1 để tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho ông T1 và tiến hành ghi lời khai nhưng gia đình ông T1 phản ứng gay gắt và quyết liệt, từ chối nhận và ký vào bất kỳ văn bản nào của Tòa án. Do đó, địa phương xác định tình trạng mâu thuẫn giữa hai ông bà là trầm trọng. Nay bà N1 có đơn yêu cầu ly hôn ông T1, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; về nơi cư trú của ông Trương Văn T1: Ông T1 có hộ khẩu thường trú tại Khu 5, phường P1, thị xã K. Hiện ông T1 đang làm công việc lao động tự do tại địa phương.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử (Viết tắt: HĐXX) đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà N1 ly hôn ông T1; về án phí: Bà N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp*: Bà Lê Thị N1 khởi kiện tranh chấp về ly hôn, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn - ông Trương Văn T1 có hộ khẩu thường trú tại: Khu 5, phường P1, thị xã K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn và gia đình từ chối nhận văn bản tố tụng. Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc bị đơn từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án, có xác nhận của Trưởng Khu 5, phường P1. Như vậy, việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn hợp lệ theo quy định tại khoản 4 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. *Về sự vắng mặt của đương sự*: Bà Lê Thị N1 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Trương Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị N1 kết hôn với ông Trương Văn T1 vào ngày 20 tháng 02 năm 2017 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn-Nay là phường P1, thị xã K, tỉnh H. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới bà N1 và ông T1 chung sống tại Khu 6, phường P1, thị xã K. Quá trình chung sống tại đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo bà Nguyễn xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng trong cuộc sống. Ông T1 là người tính tình cộc cằn mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn thì lại đánh đập, chửi bới bà thậm tệ. Do không thể chịu đựng được nên bà đã bỏ ra ngoài thuê trọ và sống ly thân với ông T1. Ông T1 không tìm đón bà về đoàn tụ mà thường xuyên gọi điện đe dọa tìm đánh bà. Bà thường xuyên phải thay đổi nhà trọ, sợ không dám ra đường vì sợ ông T1; quá trình giải quyết vụ án, bà N1 xác định vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; quan điểm chính quyền UBND phường P1 xác định tình trạng mâu thuẫn giữa bà N1, ông T1 đã trầm trọng. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa bà N1, ông T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX sẽ áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho bà N1 được ly hôn ông T1.

[3]. *Quan hệ về con chung và tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N1. Xử cho bà Lê Thị N1 ly hôn ông Trương Văn T1.

2. Về án phí: Bà Lê Thị N1 phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K theo biên lai số AA/2021/0004638 ngày 14/8/2023. Bà Lê Thị N1 đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- UBND phường P1 (*để vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Đức Huân